

Số: 61 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2017- 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 của Quốc hội Khóa XIII ngày 12 ngày 11 năm 2015 về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 10388/TTr-BNN-VPĐP ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2017- 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2018- 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đề án: Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2018- 2020 (gọi tắt là Đề án).

2. Địa bàn thực hiện: Đề án được thực hiện trên địa bàn của 27 xã, với diện tích tự nhiên 472.236,1ha thuộc 6 huyện, cụ thể: huyện Kỳ Sơn (11 xã); huyện Tương Dương (04 xã); huyện Con Cuông (02 xã); huyện Quế Phong (04 xã); huyện Anh Sơn (01 xã); huyện Thanh Chương (05 xã).

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2018 đến năm 2020.

4. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung:

Xây dựng các xã biên giới có kết cấu hạ tầng hướng tới đạt chuẩn nông thôn mới; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; xã hội nông thôn ổn định, bình yên, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường; đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh ổn định và xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2020, các xã đạt tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

- Bình quân đạt 11,4 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 08 tiêu chí;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 22,9 triệu đồng/người/năm, bằng 54,5% bình quân chung của tỉnh (khoảng 42- 45 triệu đồng/người/năm);
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 30 - 32% (theo chuẩn nghèo đa chiều);
- Về kết quả đạt tiêu chí nông thôn mới: 02 xã đạt 19/19 tiêu chí, gồm: Hạnh Lâm; Tam Quang; 04 xã đạt 15 tiêu chí, gồm: Thanh Thủy, Thanh Đức, Môn Sơn, Phúc Sơn; 09 xã đạt từ 11-14 tiêu chí, gồm: Thông Thụ, Hạnh Dịch, Tri Lễ, Nậm Cắn, Tà Cạ, Tam Hợp, Nậm Giải, Thanh Sơn, Châu Khê; 12 xã đạt từ 8-10 tiêu chí gồm và Ngọc Lâm, Bắc Lý, Mỹ Lý, Na Ngoi, Đọc Mạy, Keng Đu, Mường Típ, Mường Ải, Na ngoi, Nậm Cắn, Nhôn Mai, Mai Sơn.

5. Các nội dung đầu tư:

a) Về Quy hoạch:

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới gắn với quy hoạch kinh tế - xã hội và quy hoạch sắp xếp bố trí dân cư biên giới, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên sắp xếp dân cư các thôn, bản tiếp giáp biên giới, đảm bảo an ninh quốc phòng, tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân biên giới giữa hai nước Việt Nam - Lào tăng cường giao lưu, trao đổi thương mại.

b) Nhóm tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội:

Phấn đấu đến năm 2020: 27/27 xã (100%) có đường giao thông trục xã được rải nhựa hoặc bê tông hóa đảm bảo theo quy định; 13 xã (khoảng 50%) có đường trục thôn được cứng hóa; 18 xã (70%) có đường ngõ xóm sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa; 16 xã (60%) có hệ thống giao thông nội đồng được hoàn thiện, trong đó bê tông hóa đạt trên 75% đảm bảo phục vụ sản xuất; 20 xã (74%) đạt tiêu chí thủy lợi; 27 xã (100%) đạt chỉ tiêu về tiêu chí điện, với 86,7% hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đảm bảo tiêu chuẩn ngành điện; 20 xã (74%) đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất trường học; 10 xã (37%) đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa; 27 xã (100%) có trụ sở làm việc đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; 22 xã (81%) đảm bảo yêu cầu tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 27 xã (100%) đạt chuẩn tiêu chí thông tin và truyền thông; 22 xã (81%) có trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia về cơ sở vật chất y tế; 02 xã đạt tiêu chí về nhà ở.

c) Nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất:

Phấn đấu đến hết năm 2020: 10 xã (32%) đạt tiêu chí thu nhập; 27 xã (100%) đạt tiêu chí lao động có việc làm; 19 xã (70%) đạt tiêu chí tổ chức sản xuất.

d) Nhóm tiêu chí về Văn hoá - xã hội và Môi trường:

Phấn đấu đến hết năm 2020: 20 xã (74%) đạt tiêu chí giáo dục và đào tạo; 27 xã (100%) đạt tiêu chí y tế, với 100% người dân được sử dụng thẻ bảo hiểm y tế; 2 xã (7,4%) đạt tiêu chí văn hóa; 20 xã (74%) đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

đ) Nhóm tiêu chí về Hệ thống chính trị:

Phấn đấu đến năm 2020: 23 xã (85%) đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 27 (100%) xã đạt tiêu chí quốc phòng và an ninh.

6. Vốn đầu tư:

Căn cứ mục tiêu, nội dung đầu tư, phân kỳ đầu tư theo các nhóm tiêu chí cụ thể đã nêu trong Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An giao cho chủ đầu tư và các cơ quan chuyên môn rà soát, tổng hợp khối lượng, khái toán vốn, xây dựng các dự án cụ thể trong vùng 27 xã để triển khai các dự án thành phần trên địa bàn theo quy định của Luật đầu tư công, đảm bảo nguyên tắc:

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu và các chương trình, dự án (kể cả dự án ODA) khác trên địa bàn; huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

- Sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư của nhà nước để kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông, cơ sở làng nghề ở nông thôn và theo danh mục quy định tại Nghị định số 106/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 và vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ.

- Huy động đóng góp của nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án cụ thể, do hội đồng nhân dân xã thông qua. Hình thức đóng góp của người dân có thể bằng ngày công lao động, hiến đất để giải phóng mặt bằng phục vụ cho các công trình đầu tư.

7. Các giải pháp thực hiện:

a) Về tuyên truyền, vận động: Tăng cường vai trò của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân, trong đó, tập trung vào các nội dung:

- Vận động nhân nhân tích cực tham gia cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh chuyển đổi, tích tụ ruộng đất; phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực, đặc sản của các địa phương theo phương châm "mỗi xã một sản phẩm"; đẩy mạnh liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xã hội hóa đầu tư;

- Cụ thể hóa phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" bằng các đợt phát động thi đua xây dựng nông thôn mới;

- Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng và phổ biến những điển hình tiên tiến, các sáng kiến và kinh nghiệm tốt về xây dựng nông thôn mới. Kịp thời khen thưởng, động viên với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã biên giới.

b) Về quy hoạch và quản lý quy hoạch:

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch sản xuất nông, lâm, thủy sản; quy hoạch sắp xếp dân cư; quy hoạch nông thôn mới cấp xã đã có; bổ sung quy hoạch còn thiếu trên cơ sở phát huy lợi thế các sản phẩm của địa phương, khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của vùng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch, nhất là sự kết hợp giữa quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội.

c) Về cơ chế, chính sách:

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới của Trung ương, tỉnh đã ban hành;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách của Trung ương và địa phương để tăng cường nguồn lực hỗ trợ cho 27 xã thực hiện Đề án;

- Tiếp tục tăng cường, luân chuyển cán bộ thuộc biên chế của cấp huyện, của lực lượng vũ trang (Bộ đội biên phòng tỉnh) về làm cán bộ chủ chốt các xã biên giới trọng điểm hoặc các xã còn yếu về công tác cán bộ;

- Ban hành chính sách hỗ trợ thúc đẩy liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo hướng thực hiện hiệu quả Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm", đồng thời hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn, góp phần tạo tâm lý ổn định cho người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất;

- Có cơ chế, chính sách cho các địa phương có đường biên giới giáp với Lào trong việc giao thương, trao đổi hàng hóa, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

d) Về tổ chức sản xuất:

- Tăng cường hợp tác với các địa phương, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế trong nước và các tỉnh trong khu vực; phát triển các doanh nghiệp nông

ng nghiệp nhỏ và vừa đầu tư sản xuất nông nghiệp, để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa;

- Khuyến khích hình thức liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân (kể cả các doanh nghiệp Lào sang đầu tư trên địa bàn), trong đó: doanh nghiệp đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm và người dân tự tổ chức sản xuất cung cấp sản phẩm cho doanh nghiệp tiêu thụ hoặc góp đất, công lao động; mỗi xã lựa chọn 2-3 cây, con hoặc ngành nghề chủ lực để ưu tiên phát triển liên kết vùng để đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm có lợi thế so sánh;

- Chú trọng phát triển kinh tế hợp tác, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, củng cố và phát triển các làng nghề theo lợi thế của từng địa phương (mỗi xã thành lập mới tối thiểu 01 hợp tác xã);

- Nghiên cứu phát triển thị trường tiêu thụ; xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu; đẩy mạnh bảo hộ thương hiệu cho các sản phẩm của các làng nghề, làng có nghề nhằm bảo hộ uy tín, nâng cao danh tiếng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, tăng thu nhập cho người dân;

- Thống nhất quy chế phối hợp với nước bạn Lào trong việc giao lưu, kết nghĩa các xã vùng biên, đồng thời hợp thức hóa cho lao động các xã đi lao động, buôn bán tại nước bạn để quản lý và bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

đ) Về ứng dụng khoa học và công nghệ:

- Xây dựng mô hình nông nghiệp theo hướng khai thác thế mạnh riêng của từng vùng, như: sản xuất rau an toàn, vùng hoa, cây cảnh, nhà vườn, vùng lúa hàng hóa chất lượng cao, vùng trồng cây ăn quả đặc sản, vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

- Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm từ các cây, con đặc sản của từng vùng, tạo ra sản phẩm hàng hóa.

e) Về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Rà soát số nhân lực đã được đào tạo, để huy động nguồn lực cho sản xuất. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn;

- Ưu tiên đào tạo nghề cho nông dân ở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng chuyên canh có tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp; đào tạo các nghề phi nông nghiệp, dịch vụ cho các xã có cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các cửa khẩu, lối mở; khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu.

g) Về huy động nguồn lực:

- Nguồn đầu tư từ Trung ương bố trí trực tiếp cho việc thực hiện Đề án, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các Chương trình mục tiêu, đề án, dự án đang triển khai trên địa bàn;

- **Vốn đầu tư của doanh nghiệp:** Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật. Huy động hỗ trợ đầu tư từ các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn xã;

- **Huy động đóng góp của nhân dân:** Ở mỗi xã, huy động nhân dân đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện cho từng Dự án cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua. Hình thức đóng góp của người dân có thể bằng ngày công lao động, hiến đất giải phóng mặt bằng phục vụ cho các công trình đầu tư;

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư;

- **Nguồn vốn tín dụng của nhà nước để kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông, xây dựng hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở làng nghề ở nông thôn và theo danh mục quy định tại Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ. Vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Vốn tín dụng được huy động đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nhân dân;**

- Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan cân đối, ưu tiên nguồn vốn ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu trung hạn 2018-2020 và hàng năm để bố trí cho tỉnh Nghệ An thực hiện Đề án đúng tiến độ, thời gian quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đề xuất tìm nguồn vốn khác hỗ trợ cho tỉnh Nghệ An thực hiện Đề án (bao gồm cả các dự án ODA), hướng dẫn việc sử dụng, thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có nhiệm vụ:

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đề xuất phương án sử dụng nguồn dự phòng 10% đã giao cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ để bố trí cho thực hiện Đề án, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện Đề án theo đúng tiến độ;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, hàng năm tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư theo nội dung Đề án, kịp thời giải quyết khó khăn,

vướng mắc của địa phương theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Các Bộ, ngành, căn cứ vào các chương trình, dự án đã được giao, chỉ đạo thực hiện việc lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan đầu tư tại vùng Đề án; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tổ chức thực hiện các dự án có hiệu quả.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện thực hiện Đề án, căn cứ vào tính cấp thiết của từng hạng mục đầu tư hỗ trợ, lựa chọn thứ tự ưu tiên hợp lý để tiến hành lập dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng kế hoạch đầu tư, quản lý, tổ chức thực hiện các Dự án theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Huy động và lồng ghép các nguồn vốn khác (kể cả các dự án ODA) trên địa bàn để thực hiện Đề án có hiệu quả;

- Theo dõi, kiểm tra giám sát, tổng hợp tình hình, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc, không để xảy ra nợ đọng, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện hỗ trợ và đầu tư các dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Thành viên BCĐ TW các chương trình MTQG;
- HĐND, UBND tỉnh Nghệ An;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các văn phòng: Điều phối NTM TW, Quốc gia giảm nghèo, Điều phối CT 135;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TGD công TTĐT các Vụ: KTHH, NC, CN, KGVX, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, NN (2b).Thịnh. 30

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vương Đình Huệ